

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền;
2. Bà Thi Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 421/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trang Thị Tường V, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp LT2, xã LH, huyện PT, tỉnh AG;

Bị đơn: Anh Trần Đờ G, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khóm LQ A, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG.

Chị V có mặt tại phiên tòa; Anh G vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trang Thị Tường V trình bày: Năm 2007, chị V và anh G tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LP, thị xã TC, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 029/2013, quyền số 1/2013 cấp ngày 18/3/2013. Sau lễ cưới, chị V và anh G sống tại gia đình cha mẹ hai bên. Thời

gian đầu, chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, anh G hay nhậu nhẹt về nhà kiểm chuyện với chị V, đôi khi có hành vi bạo lực gia đình, anh G nhiều lần hứa sửa chữa nhưng vẫn không thay đổi nên chị V yêu cầu ly hôn với anh Trần Đờ G.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh G có 02 (hai) con chung tên Trần Bảo V, sinh ngày 29/4/2008 và Trần Tường H, sinh ngày 05/7/2013. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Tường H, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu Tường H. Đồng ý giao cháu Trần Bảo V cho anh G nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi cháu Bảo V.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 679/TB-TLVA ngày 03/11/2020 cho anh Trần Đờ G thông qua người thân là bà Lý Thị M (mẹ ruột anh G) nhận thay và bà M xác nhận có báo lại cho anh G biết về việc chị V khởi kiện ly hôn với anh G tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến phản hồi của anh G đối với yêu cầu của chị V và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có).

Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh G vắng mặt theo các lần triệu tập. Ngày 04/3/2021, Tòa án ban hành Thông báo số 61/2021/TB-TA về việc công khai chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Trần Đờ G nhưng anh G cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh G vắng mặt, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Trần Đờ G.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công an phường Long Phú; Hội liên hiệp phụ nữ phường Long Phú; Xác minh (lấy lời khai) của bà Lý Thị M (mẹ ruột anh G); Biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu Trần Tường H và Trần Bảo V, cụ thể:

Công an phường Long Phú, thị xã Tân Châu cho biết: Anh Trần Đờ G, sinh năm 1981 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 12, khóm LQ A, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG nhưng anh G đã bỏ địa phương đi (không rõ bỏ đi thời gian nào) và không thường xuyên sinh sống ở địa phương. Do anh G không trình báo nên không biết anh G đi đâu, làm gì.

Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Long Phú, thị xã Tân Châu cung cấp: Anh Trần Đờ G, sinh năm 1981 có vợ là chị Trang Thị Tường V, sinh năm 1987. Vợ chồng anh G và chị V không thường xuyên sinh sống ở địa phương nên Hội phụ nữ không biết mối quan hệ tình cảm hôn nhân của anh G, chị V như thế nào. Qua tìm hiểu địa phương, chị V và anh G có 02 (hai) con chung tên Trần Bảo V, sinh ngày 29/4/2008 và Trần Tường H, sinh ngày 05/7/2013. Hiện cháu Trần Bảo V được bà nội là bà Lý Thị M, sinh năm 1949 nuôi dạy tốt, cháu V được đi học đúng độ tuổi, ngoan ngoãn.

Hiện bà M đã ngoài tuổi lao động nên nguồn thu nhập lo chi phí sinh hoạt hàng ngày của bà M và cháu Vương chủ yếu do anh Trần Đờ G gửi về hàng tháng. Hiện tại, anh G đang đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, về nhà vào những ngày lễ, tết, sau đó tiếp tục đi làm. Ở địa phương, gia đình anh G chấp hành đúng qui định nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có đạo đức, sống có tình, có nghĩa với hàng xóm. Đối với cháu Trần Tường H được chị V nuôi dạy nên Hội Liên hiệp phụ nữ không biết về cuộc sống của cháu H như thế nào.

Lời khai bà Lý Thị M (mẹ ruột anh G) cung cấp: Năm 2007, V và G tự tìm hiểu, quen biết nhau, được gia đình hai bên chấp thuận nên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng (V - G) đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng (V - G) chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì không còn chung sống với nhau cho đến nay. Bà M không biết vì sao G và V không còn chung sống, G có gọi điện thoại cho bà M nhưng không nói lý do. Tết nguyên đán vừa rồi, G có về nhà, bà M hỏi lý do thì G không nói.

Vợ chồng (V - G) có 02 con chung tên Trần Bảo V, sinh năm 2008 và Trần Tường H, sinh năm 2013. Hiện cháu Hân đang được V và gia đình nuôi dạy tốt, cháu H được đi học đầy đủ. Cháu V sống chung với bà M từ nhỏ cho đến nay, hàng tháng G gửi tiền về để nuôi bà M và cháu Vương sinh sống hàng ngày. Đồng thời, vợ chồng (V - G) không có tài sản chung và nợ chung.

- Cháu Trần Tường H khai, cháu H đang học lớp 2A, trường tiểu học Long Sơn thuộc thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Cha mẹ ruột của cháu tên Trần Đờ G và Trang Thị Tường V, từ trước cho đến nay, cháu sống chung với mẹ V và ông bà ngoại, nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ vì được mẹ chăm sóc, nuôi cháu, hiện tại cháu có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

- Cháu Trần Bảo V khai, cháu là con ruột của ông Trần Đờ G và bà Trang Thị Tường V. Hiện, cháu đang sống chung với cha G và bà nội tại khóm Long Quới A, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha Trần Đờ G.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị V và anh G là hợp pháp có

đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 029/2013, quyền số 01/2013 ngày 18/3/2013. Năm 2013, chị V và anh G phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, anh G hay nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chị V, đến năm 2020 thì không còn chung sống với nhau cho đến nay. Chị V yêu cầu ly hôn với anh G là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh G có 02 (hai) con chung tên Trần Bảo V, sinh năm 2008 và Trần Tường H, sinh năm 2013. Hiện, cháu H đang sống và do chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu V đang sống và được anh G và bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu H có nguyện vọng sống với chị V, cháu V có nguyện vọng sống với anh G.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trang Thị Tường V được ly hôn anh Trần Đờ G.

Về con chung: Chị Trang Thị Tường V được nuôi con chung tên Trần Tường H, sinh ngày 05/7/2013; Anh Trần Đờ G được nuôi cháu Trần Bảo V, sinh ngày 29/4/2008. Chị V và anh G không phải cấp dưỡng cho nhau để nuôi con chung.

Về án phí sơ thẩm: Chị Trang Thị Tường V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trang Thị Tường V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Đờ G. Anh G có nơi cư trú tại tổ 12, khóm LQ A, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Đờ G được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trang Thị Tường V và anh Trần Đờ G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 029/2013, quyển số 1/2013 ngày 18/3/2013, hôn nhân giữa chị V và anh G là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị V khai: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, anh G hay nhậu nhẹt về nhà kiểm chuyện chị V và bạo lực gia đình, anh G hứa nhiều lần sửa chữa nhưng vẫn không thay đổi. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung giữa chị V và anh G không thể kéo dài, chị V yêu cầu ly hôn với anh Trần Đờ G.

Biên bản xác minh (lấy lời khai) bà Lý Thị M (mẹ ruột anh G) cho biết: Năm 2007, V và G tự tìm hiểu, quen biết nhau, được gia đình hai bên chấp thuận nên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng (V - G) đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng (V - G) chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị V và anh G phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, anh G thường hay nhậu nhẹt về nhà kiểm chuyện chị V và bạo lực gia đình, anh G nhiều lần hứa sửa chữa nhưng không thay đổi và sống xa nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị V và anh G hàn gắn tình cảm, nhưng anh G vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị V và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị V. Xét, cho chị Trang Thị Tường V ly hôn với anh Trần Đờ G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh G có 02 (hai) con chung tên Trần Bảo V, sinh năm 2008 và Trần Tường H, sinh năm 2013. Chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Tường H, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu Tường H. Đồng ý giao cháu Trần Bảo V cho anh G nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi cháu Bảo V.

Biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu Hân có nguyện vọng được sống với mẹ Trang Thị Tường V; còn cháu Vương có nguyện vọng được sống với cha Trần Đờ G.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Long Phú, thị xã Tân Châu cho biết: Chị V và anh G có 02 (hai) con chung tên Trần Bảo V, sinh ngày 29/4/2008 và Trần Tường H, sinh ngày 05/7/2013. Hiện cháu Trần Bảo V được bà nội là bà Lý Thị M, sinh năm 1949 nuôi dạy tốt, cháu V được đi học đúng độ tuổi, ngoan ngoãn.

Hiện bà M đã ngoài tuổi lao động nên nguồn thu nhập lo chi phí sinh hoạt hàng ngày của bà M và cháu V chủ yếu do anh Trần Đờ G gửi về hàng tháng, còn cháu Trần Tường H được chị V nuôi dạy.

Biên bản lấy lời khai bà Lý Thị M (mẹ ruột anh G) cung cấp: Vợ chồng (V – G) có 02 con chung tên Trần Bảo V, sinh năm 2008 và Trần Tường H, sinh năm 2013. Hiện cháu H đang được V và gia đình nuôi dạy tốt, cháu H được đi học đầy đủ. Cháu V sống chung với bà M từ nhỏ cho đến nay, hàng tháng G gửi tiền về để nuôi bà M và cháu V sinh sống hàng ngày.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu H và V, cuộc sống của hai cháu đã ổn định và không làm xáo trộn môi trường sống của hai cháu. Xét, giao cháu Trần Bảo V, sinh ngày 29/4/2008 cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với cháu Trần Tường H, sinh ngày 05/7/2013 chấp nhận giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Trang Thị Tường V, anh Trần Đờ G và cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở đôi bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp. Anh G không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trang Thị Tường V.

Chị Trang Thị Tường V được ly hôn với anh Trần Đờ G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 029/2013, quyền số 1/2013 được Ủy ban nhân dân phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 18/3/2013 cho chị Trang Thị Tường V và anh Trần Đờ G không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trang Thị Tường V được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Tường H, sinh ngày 05/7/2013. Anh Trần Đờ G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tường H.

Anh Trần Đờ G được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Bảo V, sinh ngày 29/4/2008. Chị Trang Thị Tường V không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bảo V.

Chị Trang Thị Tường V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Đờ G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tường H.

Anh Trần Đờ G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trang Thị Tường V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bảo V.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trang Thị Tường V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0006459 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trang Thị Tường V đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Đờ G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị V có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh G là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương